

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 80/2021/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 25 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Phạm Thị Hải Y, sinh năm 1996; Nơi ĐKKHTT: Xã V, Ch, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tạm trú: Tiểu khu 14, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

A Trần Tuấn A, sinh năm 1993; NĐKKHTT: Tiểu khu 16, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Hải Y và A Trần Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2015 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. A chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn vào ngày 23/12/2015.

Sau khi kết hôn, A chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do A chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên cãi vã, không chăm lo cho gia đình, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù A chị đã được 02 gia đình cùng chính quyền địa phương hòa giải, khuyên bảo nhưng A chị xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay A chị đều nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị Y, A Tuấn A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Y, A Tuấn A.

[2] Về con chung: Chị Y, A Tuấn A có 01 con chung là cháu Trần Quang Huy, sinh ngày 06/12/2016. A chị thống nhất, thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Huy cho chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Huy cho tới khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và A Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y do chị Y không yêu cầu. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai A chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Y, A Tuấn A không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Chị Y, A Tuấn A không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Y nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hải Y và A Trần Tuấn A nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: A chị thống nhất sau khi ly hôn giao cháu Trần Quang Huy, sinh ngày 06/12/2016 cho chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Huy trưởng thành (đủ 18 tuổi) A Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y do chị Y không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, A Tuấn A được quyền thăm nom con, không ai được cản trở A Tuấn A thực hiện quyền này theo quy định của Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị Y, A Tuấn A không có tài sản chung. Nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Y nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001888 ngày 29 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND thị trấn H, L;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân